

Số: 112 CV/DKVN

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2024

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Công Thương

Đồng kính gửi: Ban soạn thảo Luật Điện lực (sửa đổi)

Sau khi nghiên cứu Dự thảo Luật Điện lực sửa đổi lần 2 và Dự thảo Tờ trình Dự án Luật điện lực sửa đổi của Bộ Công Thương, để góp phần hoàn thiện Dự thảo Luật điện lực sửa đổi, Hội Dầu khí Việt Nam có một số ý kiến tham gia như sau:

I. Ý kiến chung

Về cơ bản Hội Dầu khí Việt Nam thống nhất với dự thảo Tờ trình và dự thảo Luật Điện lực sửa đổi lần 2 do Bộ Công Thương soạn thảo. Dự thảo Luật lần này đã được hoàn thiện trên cơ sở để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, gắn liền với đổi mới mô hình tăng trưởng, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia nhằm xây dựng và phát triển ngành điện phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đảm bảo sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với các hoạt động điện lực, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; trong đó phân định rõ chức năng quản lý, điều tiết của nhà nước về điện lực và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh điện của doanh nghiệp. Bộ Công Thương đã thực hiện tổng kết, đánh giá quy định của Luật Điện lực hiện hành, theo đó trong quá trình xây dựng đã kế thừa, tiếp tục phát triển và hoàn thiện những quy định pháp luật về điện lực đã và đang phù hợp với thực tế và có tác động tích cực đối với sự phát triển của ngành điện, đồng thời chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung những quy định để giải quyết những phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện, nhằm hoàn thiện Luật Điện lực một cách đồng bộ, toàn diện, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thực hiện.

Tuy nhiên, tại dự án Luật sửa đổi lần này còn một số nội dung vẫn mang tính quản lý kế hoạch, hành chính chưa có quy định/định hướng theo quy luật thị trường để giải quyết hài hòa các vấn đề phát sinh trong hoạt động điện lực nhằm đảm bảo mục tiêu về an ninh năng lượng quốc gia, đồng thời cải thiện môi trường kinh doanh trong lĩnh vực điện. Và quan trọng hơn cả **Luật sửa đổi phải tạo đủ cơ sở hành lang pháp lý cho các cơ quan quản lý, cũng như các đơn vị/doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan trong lĩnh vực điện hiện thực hóa mục tiêu các Quy hoạch điện, Quy hoạch năng lượng Quốc gia nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển Quốc gia và phát triển bền vững.** Một số các vướng mắc, tồn tại hiện tại trong lĩnh vực điện lực hiện nay vẫn khó có thể được tháo gỡ theo tinh thần và nội dung của dự thảo Luật. Về phân ngành Năng lượng tái tạo (NLTT) Hội Dầu khí Việt Nam cho rằng: Dự thảo trong

Luật Điện lực chưa đủ bao trùm cả chuỗi các sản phẩm cuối cùng của NLTT, bao gồm không chỉ là điện năng mà còn là các sản phẩm trong chuỗi sạch, xanh và tuần hoàn, đặc biệt là điện gió ngoài khơi và chuỗi sản phẩm của điện gió ngoài khơi. Vì vậy, rất cần thiết phải xây dựng riêng một Bộ luật về NLTT và chuỗi sản phẩm của NLTT.

II. Góp ý kiến về dự thảo Luật Điện lực sửa đổi lần 2

II.1. Về nội dung giải thích từ ngữ (tại Điều 4)

II.1.1. Một số nội dung giải thích từ ngữ tại Điều 4 còn chưa rõ ràng, dễ gây hiểu sai và áp dụng không phù hợp, cần thực hiện rà soát, bổ sung làm rõ, cụ thể như sau:

- Tại điểm 14 Điều 4 có nêu “*Điện tự sản tự tiêu là điện được sản xuất để tiêu thụ tại chỗ (điện tự sử dụng) không bán điện cho tổ chức, cá nhân khác và không bán điện vào hệ thống điện quốc gia*”;
- Tại điểm 15 Điều 4 có nêu “*Điện tự sử dụng là điện được sản xuất và sử dụng tại cùng địa điểm lắp đặt do cùng một pháp nhân hoặc cá nhân thực hiện*”.
- Tại điểm 36 có nêu “*Nguồn điện tự sử dụng là nguồn điện do tổ chức, cá nhân sản xuất để sử dụng tại chỗ cho chính mình, không kinh doanh bán điện dưới mọi hình thức*”.
- Tại điểm 37 có nêu “*Nhà máy điện gió ngoài khơi là nhà máy điện gió có toàn bộ tuabin điện gió được xây dựng ngoài phạm vi vùng biển 06 hải lý và có độ sâu đáy biển lớn (được xác định cụ thể theo số liệu khảo sát thực tế do Chính phủ quy định)*”.
- Tại điểm 38 có nêu: “*Nhà máy điện gió trên biển là nhà máy điện gió có toàn bộ tuabin điện gió được xây dựng và vận hành trên vùng biển Việt Nam được xác định theo pháp luật về biển*”....

II.1.2. Một số các khái niệm cần bổ sung làm rõ:

Về phân cấp điện ngầm qua biển/dưới biển khi thực hiện đầu tư phát triển, hoặc vận hành các Nhà máy điện có đầu nối từ biển vào đất liền như các Nhà máy điện gió trên biển, điện gió ngoài khơi vẫn chưa có quy định, hướng dẫn về nội dung này.

II.1.3. Bổ sung các định nghĩa:

- Về “**Hợp đồng mua bán điện có thời hạn**” và “**Hợp đồng kỳ hạn**” được nêu trong dự thảo luật này (Điều 43, 45, v.v.) bao gồm quy định cụ thể về các trường hợp áp dụng từng loại hình hợp đồng đó.
- Về : “hệ thống lưu trữ điện”; “lưới điện thông minh”...

II.2. Về điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện (tại Điều 10)

- Theo khoản 3 Điều 10 dự thảo có nêu: “*Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện và điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực theo quy định của pháp luật về quy hoạch*”.

– Theo Luật về Quy hoạch tại Điều 53 có nêu “*Căn cứ điều chỉnh quy hoạch: Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:*

1. Có sự điều chỉnh mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực làm thay đổi mục tiêu của quy hoạch; 2. Có sự điều chỉnh của quy hoạch cao hơn làm thay đổi nội dung quy hoạch hoặc có sự mâu thuẫn với quy hoạch cùng cấp; 3. Có sự thay đổi, điều chỉnh địa giới hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, quy mô không gian lãnh thổ của quy hoạch; 4. Do tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, chiến tranh làm thay đổi mục tiêu, định hướng, tổ chức không gian lãnh thổ của quy hoạch; 5. Do biến động bất thường của tình hình kinh tế - xã hội làm hạn chế nguồn lực thực hiện quy hoạch; 6. Do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch; 7. Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tại Điều 54 của Luật Quy hoạch về Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch: Tại Khoản 2 có nêu: Trình tự, thủ tục điều chỉnh, công bố và cung cấp thông tin điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố và cung cấp thông tin quy hoạch quy định tại Chương II và Chương III của Luật này”.

Tuy nhiên, trên thực tế chưa có hướng dẫn về trình tự, thủ tục việc thẩm định, trình phê duyệt, phê duyệt bổ sung đối với các dự án đầu tư chưa có trong Quy hoạch phát triển điện lực được duyệt nhưng không thuộc các căn cứ được nêu tại Điều 53 của Luật Quy hoạch và tại các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. Đặc biệt là đối với trường hợp chỉ điều chỉnh cục bộ/1 phần cục bộ dự án điện đã có trong Quy hoạch cho phù hợp với thực tế tại thời điểm triển khai dự án. Đề nghị bổ sung hướng dẫn đổi nội dung này.

II.3. Về Đầu tư xây dựng dự án điện lực (Điều 13)

– Đề nghị bổ sung, sửa đổi khoản 2 Điều 13 như sau: “*2. Dự án đầu tư xây dựng điện lực chưa có trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực thì phải thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển điện lực theo Luật Quy hoạch hoặc kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực theo quy định tại Điều 11 Luật này, trừ các trường hợp các dự án sản xuất điện sử dụng nguồn nhiệt dư từ dây chuyền sản xuất sản phẩm, nguồn năng lượng tái tạo để sản xuất điện cho mục đích tiêu thụ tại chỗ không bán điện và không đấu nối vào hệ thống điện quốc gia, các dự án lưới điện hạ áp và việc chuyển đổi sang sử dụng nhiên liệu phát thải khí các bon níc (CO₂) thấp hơn của các nhà máy điện đã vận hành thương mại”.*

Lý do đề nghị sửa đổi: Các nhà máy điện sử dụng khí trong nước hiện hữu có thể sử dụng bổ sung một phần hoặc toàn bộ nguồn khí tái hóa từ LNG nhập khẩu khi khí trong nước không đủ hoặc cạn kiệt, mà không phải xin điều chỉnh hay bổ sung quy hoạch phát triển điện lực về việc chuyển đổi nhiên liệu đó. Việc thay đổi sang nhiên liệu sạch hơn không làm ảnh hưởng tới công suất vận hành nhà máy điện, về cơ bản

không những không làm ảnh hưởng gì tới việc cung ứng điện từ nhà máy điện đó, mà còn khắc phục được việc thiếu nhiên liệu phát điện và góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong quy hoạch điện lực. Như vậy sẽ không phát sinh thủ tục bổ sung hay điều chỉnh quy hoạch điện lực, tiết kiệm thời gian và chi phí cho nhà đầu tư.

– Tại khoản 4 Điều 13 có nêu: “*Chủ đầu tư xây dựng công trình điện, đơn vị phát điện... có trách nhiệm đầu tư trạm điện, công tơ điện và đường dây dẫn điện đến điểm đấu nối theo thỏa thuận đấu nối*”. Tại khoản 2 Điều 50, điểm c có nêu: “*Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phát điện: ... Đầu tư trạm điện, công tơ và đường dây dẫn điện đến công tơ cho bên mua, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với đơn vị truyền tải điện, đơn vị phân phối điện hoặc bên mua điện bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật*”.

Việc giao cho Chủ đầu tư/đơn vị phát điện có trách nhiệm đầu tư trạm điện, công tơ điện và đường dây dẫn điện đến điểm đấu nối là cần thiết. Tuy nhiên tại dự thảo Luật cần làm rõ về cơ quan/đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý vận hành các tài sản/công trình nêu trên sau đầu tư (do trong một số trường hợp chủ đầu tư xây dựng công trình điện, đơn vị phát điện không có chức năng vận hành trạm điện, công tơ điện...). Ngoài ra chưa có hướng dẫn về mặt nguyên tắc chung đối với việc bàn giao, tiếp nhận tài sản, công trình điện hình thành từ nguồn vốn của các chủ đầu tư là Doanh nghiệp nhà nước/các doanh nghiệp khác sang cho ngành điện (EVN) quản lý vận hành theo QĐ số 41/2017/QĐ-TTg ngày 15/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ nhằm đảm bảo quyền lợi giữa các Bên như nêu trên. Trên thực tế trong thời gian qua, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản tài sản, công trình điện sau khi đã hoàn thành từ chủ đầu tư được các Bên báo cáo cấp có thẩm quyền để xử lý tình huống sau khi đã đàm phán, thỏa thuận giữa bên giao và Bên nhận (EVN) (như việc PVN bàn giao Sân phân phối 500 KV Vũng Áng, và Sân phân phối 500 KV Sông Hậu...). Điều này dẫn đến các Chủ đầu tư/đơn vị phát điện không được chủ động trong quá trình thực hiện đầu tư và mất nhiều thời gian cho việc bàn giao, tiếp nhận, cũng như hoàn trả vốn đã đầu tư do phải thực hiện quá trình đánh giá, xác nhận giá trị tài sản, nguồn vốn đã đầu tư và thực hiện đàm phán đối với tài sản bàn giao với Bên nhận và chờ xin chấp thuận/hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

– Tại khoản 6. Điều 13 dự thảo Luật có nêu: “*Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng điện lực, nếu phát sinh nhu cầu cần phải điều chỉnh các thông số kỹ thuật chuyên ngành, căn cứ đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Công Thương thẩm định, xem xét để quyết định. Việc điều chỉnh nêu trên phải đảm bảo không làm thay đổi mục tiêu, phương án phát triển nguồn điện, lưới điện của Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được phê duyệt*”.

Để tạo điều kiện cho các chủ đầu tư dự án phát triển điện lớn (là các Tập đoàn kinh tế Nhà nước/các Doanh nghiệp Trung ương) trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh nhu cầu cần phải điều chỉnh các thông số kỹ thuật chuyên ngành/thông số dự án

đầu tư xây dựng điện **thì chủ đầu tư dự án** có thể đề xuất Bộ Công Thương thẩm định xem xét, quyết định (ngoài đề xuất của UBND cấp tỉnh). Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung này.

II.4. Về phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo

– Tại khoản 5 Điều 5 có nêu “*Ưu tiên phát triển điện phục vụ nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn...* ”, Đề nghị dự thảo cần quy định/hướng dẫn chính sách ưu tiên cụ thể nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho các Doanh nghiệp/nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế có thể tham gia đầu tư (tại dự thảo Luật mới quy định mang tính nguyên tắc chung).

– Tại khoản 1 Điều 15 về đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo có nêu: “*Nhà nước sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế*”.

Để phân định rõ giữa hiệu quả đầu tư và hoạt động của doanh nghiệp với nhiệm vụ đầu tư và hoạt động điện lực phục vụ vì mục đích an sinh xã hội/công ích (không lợi nhuận hoặc đầu tư và hoạt động điện lực không hiệu quả). Đề nghị cần làm rõ khái niệm về đầu tư và hoạt động điện lực không hiệu quả kinh tế tại khoản 1 nói trên, cũng như điều kiện, đối tượng được Nhà nước giao sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện cho hoạt động điện lực không hiệu quả (có thể bổ sung giao Bộ Công Thương hướng dẫn điều kiện này).

II.5. Về theo dõi, đánh giá tiến độ và cơ chế xử lý dự án chậm tiến độ (tại các Điều 21 và Điều 22)

Chủ yếu nội dung này được xây dựng, quy định mang tính quản lý hành chính, mà chưa đưa ra được các nguyên tắc/hướng dẫn xử lý rõ ràng về nguyên nhân, hệ quả của việc chậm tiến độ các dự án điện. Ngoài ra việc đánh giá, đề xuất thay thế dự án chậm tiến độ được giao cho UBND các tỉnh chưa đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ, khách quan trong việc xử lý (do trong trường hợp dự án điện lớn được giao cho EVN và các Tập đoàn kinh tế Nhà nước thực hiện/hoặc làm chủ đầu tư đã được Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Công Thương, UBQLVNN theo dõi quản lý).

II.6. Điện năng lượng tái tạo tự sử dụng, tự sản tự tiêu (Tại Điều 25)

Tại khoản 1 Điều 25 có nêu: “*Dự án điện năng lượng tái tạo tự sản tự tiêu được liên kết với hệ thống điện quốc gia, tổng quy mô phát triển phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia. Tại khoản 4 nêu: Dự án điện năng lượng tái tạo tự sản tự tiêu có liên kết với hệ thống điện quốc gia, được quyền phát hoặc không phát sản lượng điện dư (nếu có) vào hệ thống điện quốc gia. Trường hợp tổ chức, cá nhân lựa chọn phát sản lượng điện dư vào hệ thống điện quốc gia thì nhà nước ghi nhận sản lượng điện đó với **giá không đồng***”.

Nhằm khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện tiết kiệm điện, tiết kiệm chi phí đầu tư, tăng phụ tải cho hệ thống điện quốc gia, Đề nghị xem xét, sửa đổi khoản 4 Điều 25 theo hướng sản lượng điện dư bán vào hệ thống điện Quốc gia được Bên mua chấp thuận trả tiền theo thỏa thuận của hai bên.

II.7. Quản lý, vận hành điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới (Điều 27)

Tại khoản 1 Điều 27 có nêu: “*các đơn vị phát điện từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới có trách nhiệm: 1. Đầu tư hệ thống quan trắc thông số nguồn năng lượng sơ cấp của dự án (bức xạ mặt trời, tốc độ gió, nhiệt độ, lưu lượng mưa, dòng chảy và các thông số môi trường liên quan khác) và thống kê sản lượng điện của nhà máy hằng năm. 2. Hằng năm, cung cấp các dữ liệu tại khoản 1 Điều này tới Bộ Công Thương để quản lý, theo dõi*”.

Đề nghị dự thảo Luật cần làm rõ trách nhiệm của đơn vị phát điện từ nguồn NLTT, năng lượng mới trong việc cung cấp dữ liệu dự báo phát điện và các thông số kỹ thuật khác cho đơn vị điều độ hệ thống điện Quốc gia, cũng như dữ liệu/thông số về môi trường liên quan cho Bộ Công Thương nhằm phục vụ công tác vận hành hệ thống an toàn, ổn định.

II.8. Về thời hạn giấy phép hoạt động điện lực (Điều 32)

Theo dự thảo tại điểm 2.b Điều 32: Giấy phép hoạt động điện lực đối với Nhà máy điện là 10 năm. Đề nghị xem xét, sửa đổi kéo dài thời hạn giấy phép hoạt động điện lực bằng thời gian đời sống kinh tế nhà máy điện tương ứng. Nhằm tạo điều kiện trong hoạt động của các Chủ đầu tư/nhà máy điện.

II.9. Về nội dung thị trường điện cạnh tranh (tại Chương V, mục 1)

– Tại Điều 36 về Nguyên tắc hoạt động thị trường điện cạnh tranh có nêu: “*Bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, không phân biệt đối xử giữa các đối tượng tham gia thị trường điện cạnh tranh. Tôn trọng quyền được tự chọn đối tác và hình thức giao dịch của các đối tượng mua bán điện trên thị trường điện cạnh tranh phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh..*”

– Tại Điều 5 về Chính sách phát triển điện có nêu: “*Nhà nước độc quyền trong các hoạt động sau đây: Xây dựng và vận hành các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh*”.

Trên thực tế xây dựng và vận hành các nhà máy điện lớn, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong thời gian qua được giao cho EVN là Tập đoàn kinh tế Nhà nước thực hiện và EVN đồng thời là đơn vị mua duy nhất trên thị trường phát điện cạnh tranh nên việc đảm bảo nguyên tắc hoạt động thị trường điện cạnh tranh như nêu tại Điều 36 - cạnh tranh theo nguyên tắc bình đẳng, minh bạch trên thực tế là khó khả thi. Tuy nhiên tại dự thảo Luật chưa xử lý/hướng dẫn cụ thể nội dung này cụ thể: các Nhà máy điện lớn cũng nên tham gia thị trường phát điện cạnh

tranh để đảm bảo tính công bằng và bình đẳng giữa các doanh nghiệp phát điện. Ngoài ra các vướng mắc giữa các đơn vị phát điện thuộc các Tập đoàn kinh tế/thành phần kinh tế trong việc mua - bán nhiên liệu đầu vào cho sản xuất điện (như việc phân bổ sản lượng, chính sách giá của các nhiên liệu đầu vào than, khí, LNG...) chưa được quy định/hướng dẫn thống nhất mang tính nguyên tắc và công bằng (không có lợi thế đặc thù/ưu đãi) nhằm tạo ra giá điện cạnh tranh công bằng giữa các đơn vị phát điện.

Do vậy, đề nghị bổ sung nội dung hướng dẫn về chi phí nhiên liệu đầu vào cho các Nhà máy/dự án điện.

II.10. Về chính sách giá điện (Điều 57)

Đề nghị bổ sung khoản 1 Điều 57 – về mục tiêu chính sách giá điện : “Khuyến khích đầu tư dự án điện có hàm lượng cacbon thấp, thân thiện với môi trường”.

II.11. Về Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số khoản, điều, phụ lục của các luật liên quan (Điều 92)

Kho cảng nổi LNG ngoài khơi cũng là một lĩnh vực mới tương tự như điện gió ngoài khơi, cũng phải thuê khu vực biển để xây dựng dự án. Cảng nổi LNG không phải cảng dầu khí ngoài khơi (theo Luật Dầu Khí), hơn nữa lại không dùng tới đất trên đất liền (trừ phần đường ống), bản chất chỉ gồm kho chứa nổi (FSRU) và hệ thống neo, do đó hiện chưa có quy định/hướng dẫn về lĩnh vực đầu tư này. Dự án kho cảng nổi LNG ngoài khơi cung cấp cho một hoặc nhiều nhà máy điện (có thể không phải là một phần của dự án nhà máy điện mới để xin phê duyệt cả cụm, ví dụ cung cấp cho các nhà máy điện khí hiện hữu khi thiếu khí), do đó nên được quy định rõ cơ quan nhà nước phê duyệt chủ trương đầu tư như dự án điện gió.

– Đề nghị xem xét, điều chỉnh khoản 2.b) và 2.c) Điều 92 như sau:

Khoản 2.b: bổ sung khoản 5 và khoản 6 Điều 31 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau:

“5. Dự án điện gió ngoài khơi, kho cảng nổi LNG ngoài khơi (bao gồm cả đường ống) phục vụ cho phát điện và kết hợp lĩnh vực khác (nếu có) thuộc khu vực biển trong các trường hợp sau đây: chưa xác định thuộc địa giới hành chính của một tỉnh cụ thể; thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Thủ tướng Chính phủ; thuộc địa giới hành chính của 02 tỉnh trở lên;

6. Dự án cáp điện ngầm trên biển trừ trường hợp các dự án đầu tư thuộc khoản 1 Điều 56 của Luật này.”

Khoản 2.c: bổ sung thêm điểm đ khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 như sau: “Dự án điện gió ngoài khơi, kho cảng nổi LNG ngoài khơi (bao gồm cả đường ống) phục vụ cho phát điện và kết hợp lĩnh vực khác (nếu có) có đề nghị nhà nước giao hoặc cho thuê khu vực biển ngoài đối tượng được quy định tại khoản 5 Điều 31 Luật này”.

– Về chính sách điện gió ngoài khơi, xem xét, bổ sung các nội dung sau:

(i) *Về điều tra, khảo sát, thăm dò, đo đạc trên biển và giao khu vực biển để đầu tư dự án* : Theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng để lập dự án đầu tư điện gió cần có kết quả về khảo sát xây dựng, trong đó thông số về khí tượng, thủy văn và địa chất là rất quan trọng. Hiện nay pháp luật chưa có quy định về việc cho phép/chấp thuận cho các tổ chức, cá nhân sử dụng biển để thực hiện các hoạt động đo đạc, quan trắc, điều tra, thăm dò, khảo sát trên biển thực hiện nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để phục vụ cho đầu tư. Do vậy cần có hướng dẫn, quy định cụ thể đối với trường hợp này của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (về thủ tục, trình tự, quản lý hoạt động đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển, gió).

(ii) *Bổ sung quy định/hướng dẫn về đầu tư xây dựng các dự án* điện gió ngoài khơi. Theo đó dự thảo Luật cần làm rõ trách nhiệm/thẩm quyền của cơ quan/đơn vị trong việc xây dựng, ban hành các quy chuẩn/tiêu chuẩn, định mức, đơn giá liên quan đến công tác khảo sát (khảo sát địa hình, địa chất, khí tượng, hải văn), thi công, nghiệm thu các công trình/dự án điện gió ngoài khơi... Cũng như các quy định về cơ sở hạ tầng phụ trợ phục vụ thi công, vận hành dự án ĐGNK (*Hệ thống cơ sở hạ tầng như cảng biển, tàu biển, phương tiện phụ trợ hiện nay đa phần chưa đáp ứng được các yêu cầu về thi công, vận hành các công trình ĐGNK, vì vậy việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật cũng cần được xem xét, triển khai kịp thời*).

(iii) *Bổ sung chính sách, cơ chế giá cho các dự án Điện gió ngoài khơi* : Hiện nay chưa có khung chính sách giá, cơ chế giá cho điện gió ngoài khơi, để làm cơ sở cho các chủ đầu tư tính toán và đánh giá một cách sát thực nhất khi lập báo cáo đầu tư, đánh giá về hiệu quả kinh tế đầu tư của dự án. Cũng như làm cơ sở cho các Bên trong quá trình đàm phán và ký kết hợp đồng mua – bán điện.

II.12. Về nội dung quản lý nhà nước về điện lực (Điều 91)

Tại Điều 91 về nội dung quản lý nhà nước về điện lực mới bao gồm các nội dung: *về quản lý nhà nước trong quy hoạch phát triển điện lực; về đầu tư phát triển điện lực; về điều tiết hoạt động điện lực; về an toàn điện, an toàn đập, hồ chứa thủy điện* mà chưa có nội dung về quản lý nhà nước trong lĩnh vực chính sách giá điện (đã nêu tại mục 3 các Điều từ 56 đến 60). Đề nghị bổ sung nội dung này, theo đó cần làm rõ chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài ra tại dự thảo Luật chưa đề cập đến chức năng quản lý Nhà nước trong của Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp trong lĩnh vực điện. Cũng như vai trò, trách nhiệm của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) được Nhà nước giao là Tập đoàn kinh tế Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện để bảo đảm cung cấp điện an toàn, ổn định, liên tục và đạt chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

II.13. Về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện (Chương VII)

Đề nghị xem xét, bổ sung quy định an toàn đối với công trình điện gió, điện mặt trời. Bao gồm hành lang an toàn, các biện pháp phòng ngừa tai nạn, sự cố.

II.14. Về nội dung thực hiện kiểm toán năng lượng điện

Theo quy định tại điểm đ. khoản 1 Điều 16 Luật điện lực 24/2012/QH 13 có nêu: “*Tổ chức kiểm toán năng lượng điện theo định kỳ và thực hiện các giải pháp điều chỉnh sau khi có kết luận kiểm toán theo quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.*” Tuy nhiên, tại dự thảo Luật điện lực lần này, không có nội dung này. Nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện tiết kiệm điện, năng lượng (theo luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả), cũng là thực hiện theo cam kết của Chính phủ tại Hội nghị COP 26 về lộ trình giảm khí phát thải và phù hợp với thông lệ quốc tế, nên đề nghị dự thảo Luật lần này cần giữ nguyên nội dung này như Luật Điện lực 24/2012/QH 13 đã nêu. Bên cạnh đó cần có quy định giao cơ quan quản lý Nhà nước hướng dẫn cụ thể về các nội dung như: quy định kỳ hạn, đối tượng, phạm vi kiểm toán năng lượng điện... để làm căn cứ cho các đơn vị có chức năng kiểm toán năng lượng thực hiện.

II.15. Về tính phù hợp và tính logic ở một số điều:

– Tại Điều 15 - Đầu tư phát triển điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo. Nhưng tại khoản 3 của Điều 15 lại nêu “*Nhà nước có chính sách hỗ trợ phát triển nguồn năng lượng tái tạo để cấp điện bao gồm: a) Hỗ trợ về vốn đầu tư; b) Hỗ trợ về lãi suất vay vốn đầu tư; c) Ưu đãi về thuế. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc thực hiện các chính sách hỗ trợ*”. Nội dung này nên chuyển xuống Chương III- Điều 23. Chính sách phát triển điện năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

– Tại Điều 4 khoản 38 có nêu khái niệm về “*Nhà máy điện gió trên biển là nhà máy điện gió có toàn bộ tuabin điện gió được xây dựng và vận hành trên vùng biển Việt Nam được xác định theo pháp luật về biển*”. Tuy nhiên tại dự thảo Luật không có Điều nào/nội dung nào quy định/hướng dẫn về Nhà máy điện gió trên biển.

III. **Một số cơ chế chính sách/nội dung đề nghị xem xét, bổ sung và hướng dẫn trong Luật điện lực lần này**

III.1. Về cơ chế chính sách tài chính, thu xếp vốn cho các dự án điện

Trên thực tế việc huy động vốn cho đầu tư các dự án điện lớn, còn gặp khó khăn và mất nhiều thời gian để thu xếp, xử lý. Cụ thể nguồn vốn huy động cho vay dài hạn của các Ngân hàng thương mại trong nước không nhiều, trong khi nhu cầu vốn đầu tư của các dự án điện lớn và thời gian đầu tư dài nên ít Ngân hàng thương mại trong nước có khả năng tham gia huy động/cho vay vốn cho dự án điện lớn do vượt quy định về giới hạn tỷ lệ an toàn tín dụng khi cho vay theo quy định của Luật tổ chức tín dụng

(theo quy định: Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan không được vượt quá 25% vốn tự có của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô). Trên thực tế một số dự án điện lớn trong thời gian qua các Ngân hàng cần phải hợp vốn cho vay (theo Luật tổ chức tín dụng việc hợp vốn cho vay dự án cần phải được Chính phủ chấp nhận theo từng trường hợp/dự án cụ thể). Điều này dẫn đến khó khăn và kéo dài thời gian thu xếp vốn cho dự án phát triển điện lớn. Ngoài ra một số các Ngân hàng thương mại trong nước/Tổ chức tài chính Quốc tế khi cho vay các dự án điện lớn/sử dụng nguồn năng lượng mới cũng yêu cầu cần có bảo lãnh Chính phủ khi cho vay các dự án điện.

III.2. Về vấn đề bảo lãnh Chính phủ cho đầu tư các dự án điện nói chung và các dự án điện gió, điện khí LNG nói riêng, bao gồm bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán

Theo các quy định hiện hành (Luật quản lý nợ công, Luật đầu tư về đối tượng được bảo lãnh Chính phủ (Điều 41) theo đó đối tượng để được cấp bảo lãnh chính phủ là “Doanh nghiệp có dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ” do đó hầu hết các dự án điện không thuộc đối tượng được cấp bảo lãnh Chính phủ, điều này cũng là một trong các nguyên nhân khó khăn cho việc thu xếp vốn của các Doanh nghiệp.

Trong khi đó hành lang pháp lý/hướng dẫn cho các Doanh nghiệp chưa đủ để có thể vay vốn/thu xếp vốn trong trường hợp không có bảo lãnh Chính phủ - bảo lãnh thay thế, dẫn đến việc chậm triển khai thực hiện một số các dự án điện do thiếu vốn.

III.3. Về cam kết và rủi ro liên quan đến tiến độ dự án đầu nối và truyền tải điện

Qua thực tế, một số dự án điện đã hoàn thành đầu tư xong trong thời gian vừa qua, nhưng việc đấu nối và truyền tải điện chậm được thực hiện vì liên quan đến tiến độ của các dự án đầu nối truyền tải điện, điều này đã gây khó khăn cho các chủ đầu tư trong việc tối ưu, kịp thời sử dụng tài sản đã đầu tư và công tác thu hồi vốn đầu tư, gây lãng phí nguồn lực xã hội, chậm tăng trưởng phụ tải nhằm đáp ứng sản lượng điện cho nền kinh tế, cho xã hội theo mục tiêu Quy hoạch đã được phê duyệt.

Ngoài ra một số dự án đầu tư xây dựng Nhà máy điện từ nguồn NLTT được khuyến khích phát triển (như điện mặt trời, điện gió ngoài khơi...) nhưng thiếu nghiên cứu đánh giá về kinh tế - kỹ thuật chưa đồng bộ với hạ tầng truyền tải ở một số nơi. Điều này gây áp lực cho một số chủ đầu tư trong việc thu hồi vốn đã đầu tư, thiếu chủ động trong điều hành sản xuất kinh doanh, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp do không có xác định/cam kết về sản lượng điện phát tối thiểu (khoảng 75% sản lượng theo thiết kế) để đảm bảo nguồn nhiên liệu dài hạn, ổn định cho vận hành sản xuất...

Trên đây là một số ý kiến tham gia góp ý về dự thảo Luật điện lực (lần 2) và một số đề xuất của Hội Dầu khí Việt Nam xin gửi tới Quý cơ quan để có nghiên cứu, xem xét, quyết định.

Trân trọng !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục ĐTĐL Bộ Công Thương;
- Tập đoàn DKVN;
- Các đơn vị: PVGas; PVpower; PTSC;
- Lưu: VP Hội; Ban TVPB.

TM HỘI DẦU KHÍ VIỆT NAM

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Thập